TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** TỈNH HƯNG YÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 09/2018/HSST
Ngày 07/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M – TỈNH HƯNG YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ Phiên toà: Ông Hoàng Tuấn Trọng;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Khay và ông Nguyễn Xuân Khải;
Thư ký Toà án ghi biên bản Phiên toà: Bà Nguyễn Thị Oanh - Cán bộ Toà án;
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia Phiên toà: Bà Phạm Thị Yến – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện M.

Ngày 07/3/2018 , tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện M mở Phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 06/2018/HSST ngày 12/02/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/HSST - QĐ ngày 21/02/2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Tiến D, sinh năm 1984; Giới tính: Nam;
Nơi cư trú: Thôn C, xã G, huyện Y, tỉnh Hưng Yên;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 6/12;
Con ông Nguyễn Đình P, sinh năm 1940 và bà Trần Thị D (đã chết);
Có vợ là Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1984 và 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2009;
Tiền án, tiền sự: Không;
Tạm giam từ ngày 18/11/2017; Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên; Có mặt.

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị Tú Q, sinh năm 1993;
Trú tại: P, thị trấn B, huyện M, tỉnh Hưng Yên; Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Anh Trần Tiến D1, sinh năm 1981;
Trú tại: Thôn L, xã M, huyện T, tỉnh Hải Dương; Vắng mặt.
2. Chị Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1984;
Trú tại: Thôn C, xã G, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; là vợ của bị cáo; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại Phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 17/11/2017 Nguyễn Tiến D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Hon da loại Wave an pha sơn mầu xanh, biển số đăng ký 29S1- 9987 đi từ chỗ làm việc ở xã D, huyện G, thành phố Hà Nội về đến ngã tư P, huyện M, tỉnh Hưng Yên, sau đó D đi vào đường 380 thuộc P, thị trấn B, huyện M. Khi đi đến trước cửa nhà văn hóa huyện M, D quan sát thấy chị Phạm Thị Tú Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại vison sơn mầu trắng, biển số đăng ký 89F1- 076.79 đi ngược chiều đường với D, ở hốc để đồ bên trái, phía trước xe mô tô, chị Q để chiếc ví giả da mầu nâu. D nghĩ trong chiếc ví có nhiều tiền nên đã nảy sinh ý định cướp giật chiếc ví của chị Q để lấy tiền tiêu sài. D điều khiển xe mô tô quay lại và đi phía sau xe của chị Q. Đến ngã tư P thì chị Q và D dừng đỗ xe chờ đèn tín hiệu giao thông lúc này màu đỏ, khi đèn tín hiệu giao thông chuyển sang màu xanh thì D điều khiển xe mô tô nói trên từ phía sau vượt lên áp sát bên trái xe mô tô của chị Q rồi dùng tay phải nhanh chóng giật chiếc ví của chị Q rồi chuyển sang tay trái và tăng ga bỏ chạy sang đường 39 hướng đi thành phố Hưng Yên, trong lúc bỏ chạy D làm rơi chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1110i vỏ máy màu xanh xám xuống đường. Chị Q đuổi theo hô hoán " trong ví không có gì đâu" nên D mở ví ra ném trả chị Q giấy chứng minh nhân dân. Chị Q dừng lại nhặt chiếc điện thoại đi động của D và giấy chứng minh nhân dân. Thấy chị Q không đuổi theo nữa nên D rẽ vào đường 42 liên huyện thuộc thôn T, xã N huyện Y, dừng xe lại, D bỏ chiếc ví ra kiểm tra, thấy trong chiếc ví có một giấy phép lái xe mô tô, một chiếc thẻ sinh viên trường Cao đẳng phát thanh truyền hình, một chiếc thẻ ATM của ngân hàng BIDV đều mang tên chị Q và số tiền 11.300 đồng tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm 01 tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 200 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 100 đồng. D lấy 10.000 đồng, còn chiếc ví, giấy phép lái xe mô tô, thẻ sinh viên, chiếc thẻ ATM và số tiền 1.300 đồng D ném ở dìa đường. Sau đó D điều khiển xe mô tô nói trên đi lên khu vực thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh mua của một người đàn ông không rõ họ tên, tuổi địa chỉ 01 gói ma túy với giá 150.000 đồng cất giấu ở túi quần phía trước bên phải rồi đi về chỗ làm việc ở xã D, huyện G, thành phố Hà Nội.

Ngày 17/11/2017 chị Q làm đơn trình báo đến Công an huyện M và giao nộp chiếc điện thoại chị Q nhặt của D.

Chiều ngày 17/11/2017 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã triệu tập D lên làm việc, D đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, đồng thời tự nguyện giao nộp số tiền 10.000 đồng chiếm đoạt của chị Q, chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave an pha sơn màu xanh biển số đăng ký 29S1- 9987 và 01 gói giấy nhỏ màu vàng bên trong chứa chất bột màu trắng, D khai là ma túy, Cơ quan điều tra đã niêm phong trong phong bì thư ký hiệu M1.

Cùng ngày, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã đưa D đi chỉ dẫn địa điểm ném tài sản của chị Q, kết quả: Thu giữ được số tiền 1.300 đồng, giấy phép lái xe mô tô hạng A1, chiếc thẻ ATM của ngân hàng BIDV và thẻ sinh viên trường Cao đẳng phát thanh truyền hình đều mang tên chị Q, còn chiếc ví giả da cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không quản lý được.

Ngày 18/11/2017 cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện M đã ra Lệnh bắt bị can để tạm giam và tiến hành khám xét nơi ở của D nhưng không thu giữ tài liệu, đồ vật gì.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 11/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện M đã kết luận: Chiếc ví của chị Q do không có nhãn mác, không thu hồi được tài sản nên Hội đồng định giá không định giá.

Tại bản kết luận giám định số 14/ PC 54 ngày 30/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên đã kết luận: Mẫu chất màu trắng dạng bột và cục trong niêm phong ghi M1 thu của Nguyễn Tiến D có trọng lượng là 0,231 gam là ma túy, là loại Hêrôin, chất ma túy nằm trong danh mục I, số thứ tự 20, Nghị định 82 ngày 19/07/2013 của Chính Phủ. Hoàn lại 0,192 gam Hêrôin trong niêm phong giao cho Công an huyện M.

Đối với vật chứng cơ quan điều tra đã quản lý nêu trên, ngày 03/01/2018 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã trả lại chị Q giấy phép lái xe mô tô hạng A1, chiếc thẻ ATM của ngân hàng BIDV, thẻ sinh viên trường Cao đẳng phát thanh truyền hình, chị Q đã nhận số giấy tờ trên còn số tiền 11.300 đồng chị Q không yêu cầu nhận lại.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave an pha sơn mầu xanh biển số đăng ký 29S1- 9987. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của anh Trần Tiến D1, sinh năm 1981, trú tại: Thôn L, xã M, huyện T, tỉnh Hải Dương (là anh họ của D). Anh D1 cho D mượn xe mô tô nhưng không biết D sử dụng chiếc xe vào việc phạm tội, nên ngày 03/01/2018 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã trả lại chiếc xe cho anh D1, anh D1 nhận lại chiếc xe trên không có đề nghị gì.

Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1110i vỏ máy màu xanh xám, bên trong lắp một sim điện thoại là tài sản của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội, nhưng bị cáo D không yêu cầu nhận lại.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 08/12/2017 chị Nguyễn Thị Thu L đã tự nguyện bồi thường trị giá chiếc ví cho chị Q với số tiền là 1.000.000 đồng, chị Q đã nhận số tiền trên và không đề nghị bồi thường thêm.

Đối với việc D khai mua bán trái phép chất ma túy giữa D và người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ xảy ra tại thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện M đã có công văn thông báo đến cơ quan Cảnh sát điều tra công an thị xã T, tỉnh Bắc Ninh để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản Cáo trạng số 04/CT - VKSMH ngày 08/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M đã truy tố bị cáo Nguyễn Tiến D về các tội Cướp giật tài sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 BLHS năm 2015 và Tàng trữ trái phép chất ma tuý theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015.

Tại Phiên toà:

+ Bị cáo thành khẩn khai nhận về các hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt;

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị L xác nhận đã bồi thường cho chị Q 1.000.000 đồng theo đề nghị của bị cáo và chị L không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền này;

+ Đại diện VKSND huyện M giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm c khoản 1 Điều 249; các điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 55; điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 47; Điều 38 BLHS năm 2015; điểm a, c khoản 2 và điểm a, b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Xử phạt bị cáo D từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù về tội Cướp giật tài sản và từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là từ 04 năm 03 tháng đến 04 năm 09 tháng tù;

Tịch thu, cho tiêu huỷ 01phong bì niêm phong hoàn lại 0,192 gam Hêrôin; tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1110i; tịch thu, cho tiêu huỷ 01 chiếc sim điện thoại lắp trong chiếc điện thoại này; tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 11.300 đồng;

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại Phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại Phiên toà phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp khách quan với lời khai của người bị hại là chị Phạm Thị Tú Q, Biên bản khám nghiệm, sơ đồ, bản ảnh hiện trường (BL 52 - 55d), Biên bản quản lý đồ vật, tài liệu (BL 59), Biên bản xác định tài sản (BL 61), Biên bản chỉ dẫn (BL 62), vật chứng, đồ vật đã thu giữ, Kết luận giám định (BL 34) cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định: Khoảng 08 giờ ngày 17/11/2017, trên đường 380, đoạn ngã tư P thuộc thị trấn B, huyện M, tỉnh Hưng Yên, chị Phạm Thị Tú Q đang dừng xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Vison BKS 89F1 - 076.79 theo tín hiệu đèn giao thông, thì Nguyễn Tiến D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Waveα BKS 29S1 - 9987 đi từ phía sau vượt lên áp sát bên trái ngang với xe mô tô của chị Q, D dùng tay phải giật chiếc ví giả da màu nâu ở hốc để đồ bên trái phía trước xe của chị Q,

bên trong chiếc ví có 11.300 đồng và một số giấy tờ tuỳ thân của chị Q, rồi D tăng ga xe bỏ chạy sang đường 39 hướng đi thành phố Hưng Yên. Sau đó, D điều khiển xe mô tô nói trên đi đến khu vực thị xã T, tỉnh Bắc Ninh mua 01 gói Hêrôin với giá 150.000 đồng cất giấu ở túi quần phía trước bên phải. Đến 15 giờ cùng ngày, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M triệu tập D lên làm việc, tại đây D đã tự nguyện giao nộp gói Hêrôin có khối lượng 0,231 gam nói trên cho cơ quan Công an.

Hành vi của Nguyễn Tiến D nhanh chóng giật chiếc ví bên trong có 11.300 đồng cùng một số giấy tờ tuỳ thân của chị Q rồi bỏ chạy để chiếm đoạt số tài sản nói trên đã thoả mãn đầy đủ dấu hiệu cấu thành tội Cướp giật tài sản; việc Nguyễn Tiến D sử dụng xe mô tô làm phương tiện để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, rồi tăng tốc độ bỏ chạy tại ngã tư đường giao thông, vào thời điểm có đông người, chứa đựng nguy cơ thực tế gây nguy hiểm cho sức khoẻ, tính mạng của người bị hại và những người tham gia giao thông khác, nên xác định bị cáo đã sử dụng thủ đoạn nguy hiểm để phạm tội theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 BLHS năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Đồng thời, hành vi cất giấu trên người 0,231 gam Hêrôin nhằm mục đích sử dụng của Nguyễn Tiến D cũng đã thoả mãn đầy đủ dấu hiệu cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý theo quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); tuy nhiên, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 có mức hình phạt tù thấp hơn so với mức hình phạt tù quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999, nên căn cứ quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và quy định tại khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 để xét xử, quyết định hình phạt đối với bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật hình sự.

[2] Bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản và tàng trữ chất ma tuý để sử dụng là nguy hiểm cho xã hội, nhận thức được các chế tài nghiêm khắc của nhà nước áp dụng đối với những hành vi này, nhưng để có tiền tiêu sài cũng như để thoả mãn cơn nghiện của bản thân, bị cáo đã thực hiện hai hành vi phạm tội này đồng thời trong một ngày, gây tâm lý hoang mang, lo lắng cho nhân dân, gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm minh đối với từng tội phạm và tổng hợp để quyết định hình phạt chung, đồng thời tiếp tục cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo ý thức chấp hành pháp luật và phòng ngừa tội phạm chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét, tại giai đoạn điều tra cũng như tại Pên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bố của bị cáo là ông Nguyễn Đình P được Hội đồng Nhà nước và Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba

và Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS đối với cả hai tội. Bị cáo phạm tội Cướp giật tài sản có tính chất bột phát, giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn, đã thu hồi trả lại cho người bị hại các giấy tờ tuỳ thân, chị Q bị giật tài sản khi đang dừng xe chờ tìn hiệu đèn giao thông nên không bị đổ xe, không bị thương tích, bị cáo tác động đến chị Nguyễn Thị Thu L là vợ của bị cáo bồi thường cho người bị hại giá trị của chiếc ví bị mất, được người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, nên bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS đối với tội Cướp giật tài sản. Trong quá trình làm việc với Cơ quan điều tra về hành vi cướp giật tài sản, bị cáo đã tự nguyện giao nộp gói Hêrôin cất giấu trong người, nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là tự thú quy định tại điểm o khoản 1 Điều 46 BLHS đối với tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý. Tất cả những tình tiết giảm nhẹ trên được Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] Bị cáo tuy làm công nhân nhưng thu nhập không cao, bản thân bị nghiện ma tuý, trước khi bị tạm giam bị cáo sống chung với bố mẹ, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo về cả hai tội.

[4] Các giấy tờ tuỳ thân của chị Q, Cơ quan điều tra đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu; gia đình bị cáo đã bồi thường cho chị Q giá trị chiếc ví bị mất, chị Q cũng không yêu cầu nhận lại số tiền 11.300 đồng bị chiếm đoạt nên phần trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết.

[5] Vật chứng: Phong bì niêm phong hoàn lại 0,192 gam Hêrôin là vật nhà nước cấm lưu hành nên tịch thu, cho tiêu huỷ;

Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1110i là tài sản của bị cáo, không liên quan tới hành vi phạm tội, nhưng bị cáo không yêu cầu nhận lại nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước; chiếc sim điện thoại lắp trong chiếc điện thoại này không có giá trị sử dụng nên tịch thu cho tiêu huỷ;

Số tiền 11.300 đồng là tài sản của chị Q, nhưng chủ sở hữu không yêu cầu nhận lại nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[6] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tiến D phạm các tội Cướp giật tài sản và Tàng trữ trái phép chất ma tuý;

2. Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; điểm d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1, khoản 2 (thêm điểm b khoản 1 đối với tội Cướp giật

tài sản; điểm o khoản 1 đối với tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý) Điều 46; Điều 33; khoản 1 Điều 50; điểm b, c khoản 1 Điều 41 BLHS năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm a, c khoản 2 và điểm a, b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến D 03 (ba) năm tù về tội Cướp giật tài sản và 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Tiến D phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 18/11/2017;

4. Vật chứng:

+ Tịch thu, cho tiêu huỷ 01phong bì niêm phong hoàn lại 0,192 gam Hêrôin;

+ Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1110i; tịch thu, cho tiêu huỷ 01 chiếc sim điện thoại lắp trong chiếc điện thoại này;

+ Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 11.300 (Mười một nghìn ba trăm) đồng, hiện có trong tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M;

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo Quyết định chuyển vật chứng số 03/QĐ - VKS ngày 08/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/02/2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M với Chi cục Thi hành án dân sự huyện M);

5. Án phí: Bị cáo Nguyễn Tiến D phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm;

6. Án xử công khai sơ thẩm, đã báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh*
- *VKSND huyện;*
- *THA hình sự;*
- *THA dân sự;*
- *Bị cáo;*
- *Các đương sự:*

Lưu VP;
Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ Pên toà

Hoàng Tuấn Trọng